**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022- 2023**

**MÔN : ĐỊA LÍ 8**

**Câu 1:** Phần đất liền Đông Nam Á có tên là:

    A. Bán đảo Ấn Độ   B. Đông Dương  C. Bán đảo Trung Ấn  D. Mã-lai

**Câu 2:** Đông Nam Á là cầu nối của hai đại dương nào

A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

B. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

D. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

**Câu 3:** Đông Nam Á là cầu nối của hai châu lục nào

 A. Châu Á và châu Phi. B. Châu Á và châu Âu.

 C. Châu Á và châu Mĩ. D. Châu Á và Châu Đại Dương.

**Câu 4:** Phần hải đảo của Đông Nam Á chịu những thiên tai nào:

   A. Bão tuyết    B. Động đất, núi lửa  C. Lốc xoáy D. Hạn hán kéo dài

**Câu 5:** Chủng tộc chủ yếu ở Đông Nam Á là:

A. Ơ-rô-pê-ô-it   B. Môn-gô-lô-it

C. Ô-xtra-lô-it     D. Môn-gô-lô-it và Ô-xtra-lô-it.

**Câu 6:** Đông Nam Á có bao nhiêu quốc gia:

   A. 9  B. 10  C. 11  D. 12

**Câu 7:** Quốc gia duy nhất không giáp biển ở Đông Nam Á là

A. Thái Lan   B. Cam-pu-chia

C. Việt Nam   D. Lào

**Câu 8:** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ra đời vào năm:

   A. 1965       B. 1966  C. 1967       D. 1968

**Câu 9:** Tam giác tăng trưởng kinh tế XI-GIÔ-RI là hợp tác của 3 quốc gia nào:

A. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia

B. Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a

C. Thái Lan, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a

D. Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan

**Câu 10:** Sự hợp tác để phát triển kinh tế-xã hội của các nước ASEAN không biểu hiện qua:

   A. Nước phát triển hơn đã giúp cho các nước thành viên.

   B. Sử dụng đồng tiền chung trong khu vực

   C. Xây dựng các tuyến đường giao thông.

   D. Phối hợp khai thác và bảo vệ lưu vực sông Mê Công.

**Câu 11:** Mặt hàng xuất khẩu chính của nước ta sang ASEAN là

 A. gạo   B. cà phê

 C. cao su   D. thủy sản

**Câu 12:** Điểm cực Bắc phần đất liền của nước ta thuộc tỉnh thành nào:

 A. Điện Biên   B. Hà Giang

C. Khánh Hòa    D. Cà Mau

**Câu 13:** Từ bắc vào nam, phần đất liền nước ta kéo dài khoảng bao nhiêu vĩ độ

A. 150 vĩ tuyến   B. 160 vĩ tuyến

C. 170 vĩ tuyến D. 180 vĩ tuyến

**Câu 14:** Phần biển Việt Nam có diện tích khoảng

A. 300 nghìn km2   B. 500 nghìn km2

C. 1 triệu km2   D. 2 triệu km2

**Câu 15:** Đặc điểm nào của vị trí của Việt Nam về mặt tự nhiên làm cho khí hậu Việt Nam mang tính chất nhiệt đới:

   A. Nằm trong vùng nội chí tuyến.

   B. Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải đảo.

   C. Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

   D. Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật.

**Câu 16:** Nơi hẹp nhất theo chiều tây-đông của nước ta thuộc tỉnh thành nào

 A. Quảng Nam B. Quảng Ngãi

C. Quảng Bình    D. Quảng Trị

**Câu 17:** Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh thành nào:

A. Phú Yên  B. Bình Định

C. Khánh Hòa  D. Ninh Thuận

**Câu 18 :** Vịnh nào của nước ta đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thê giới:

 A. Vịnh Hạ Long   B. Vịnh Dung Quất

 C. Vịnh Cam Ranh   D. Vịnh Thái Lan

**Câu 19:** Vùng biển của Việt Nam là một phần của biển

 A. Biển Hoa Đông  B. Biển Đông

C. Biển Xu-Lu  D. Biển Gia-va

**Câu 20:** Vùng biển của Việt Nam nằm trong khí hậu:

A. ôn đới gió mùa    B. cận nhiệt gió mùa

C. nhiệt đới gió mùa     D. xích đạo

**Câu 21:** Vùng biển của Việt Nam không giáp với vùng biển của nước:

A. Trung Quốc B. Phi-lip-pin

C. Đông Ti mo  D. Ma-lai-xi-a

**Câu 22:** Chế độ gió trên biển Đông

   A. Quanh năm chung 1 chế độ gió.

   B. Mùa đông gió có hướng đông bắc; mùa hạ có hướng tây nam khu vực vịnh Bắc Bộ có hướng nam.

   C. Mùa đông gió có hướng tây nam; mùa hạ có hướng đông bắc khu vực vịnh Bắc Bộ có hướng nam.

   D. Mùa đông gió có hướng tây nam; mùa hạ có hướng nam.

**Câu 23:** Chế độ nhiệt trên biển Đông

   A. Mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn đất liền, biên độ nhiệt nhỏ.

   B. Mùa hạ nóng, mùa đông lạnh hơn đất liền, biên độ nhiệt nhỏ.

   C. Mùa hạ nóng, mùa đông lạnh hơn đất liền, biên độ nhiệt lớn.

 D. Mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn đất liền, biên độ nhiệt lớn.

  **Câu 24:** Khoáng sản ở vùng biên Việt Nam

   A. Than đá   B. sắt  C. thiếc D. dầu khí

**Câu 25:** Địa hình chủ yếu trong cấu trúc địa hình của phần đất liền Việt Nam là:

   A. Đồi núi  B. Đồng bằng C. Bán bình nguyên D. Đồi trung du

**Câu 26:** Địa hình thấp dưới 1000m chiếm khoảng bao nhiêu % của phần đất liền Việt Nam:

   A. 55% B. 65%   C. 75%   D. 85%

**Câu 27:** Dãy núi cao nhất nước ta là:

A. Hoàng Liên Sơn B. Pu Đen Đinh

C. Pu Sam Sao D. Trường Sơn Bắc

**Câu 28:** Hướng nghiêng của địa hình Việt Nam:

A. Tây-Đông B. Bắc - Nam

C. Tây Bắc-Đông Nam    D. Đông Bắc – Tây Nam

**Câu 29:** Địa hình nước ta có hai hướng chủ yếu là:

   A. Tây bắc-đông nam và vòng cung B. Tây bắc-đông nam và tây-đông

   C. Vòng cung và tây-đông   D. Tây-đông và bắc- nam

**Câu 30:** Các cao nguyên badan phân bố ở:

A. Đông Bắc  B. Tây Bắc

C. Bắc Trung Bộ  D. Tây Nguyên

**II/ Phần tự luận:**

Câu 1: Em hãy cho biết một số tài nguyên của vùng biển nước ta. Chúng là cơ sở cho những ngành kinh tế nào?

Câu 2:Vùng biển Việt Nam mang tính chất nhiệt đới gió mùa, em hãy chứng minh điều đó thông qua các yếu tố khí hậu biển.

Câu 3: Nêu đặc điểm nổi bật của vị trí địa lí nước ta.

Câu 4: Dựa vào vốn hiểu biết của mình, em hãy cho biết tên đảo lớn nhất của nước ta là gì, thuộc tinh nào? Vịnh biến đẹp nhất nước ta là vịnh nào? Vịnh đó đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới vào năm nào? Nêu tên quần đảo xa nhất của nước ta, chúng thuộc tỉnh, thành phố nào?
Câu 5: Em hãy cho biết khi rừng bị chặt phá thì mưa lũ gây ra hiện tượng gì? Bảo vệ rừng có những lợi ích gì?

Câu 6: Nêu đặc điểm chung của địa hình nước ta?

Câu 7: Em hãy cho biết lên một số hang động nổi tiếng ở nước ta.

Câu 8: Nêu đặc điểm gió mùa mùa hạ, mùa đông. Vì sao chúng lại có đặc điểm khác nhau như vậy?

Vẽ biểu đồ

Câu 1: Cho bảng số liệu sau:

 Sản lượng khai thác dầu thô, than sạch của nước ta qua các năm

 *(Đơn vị: Triệu tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2009** | **2011** |
| Dầu thô | 18,5 | 16,4 | 15,2 |
| Than sạch | 34,1 | 44,1 | 45,8 |

 a/Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện sản lượng khai thác dầu thô, than sạch của nước ta qua các năm.

 b/ Nhân xét sản lượng khai thác dầu thô, than sạch của nước ta qua các năm.

**Câu 2 :** Cho bảng số liệu sau**:**

**Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (theo giá thực tế) phân theo khu vực kinh tế của Lào năm 1990 và năm 2010**

 *(Đơn vị : %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực kinh tế** | **Năm 1990** | **Năm 2010** |
| Nông-lâm-thuỷ sản | 61,2 | 32,7 |
| Công nghiệp và xây dựng | 14,5 | 31,8 |
| Dịch vụ | 24,3 | 35,5 |

a) Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (theo giá thực tế) phân theo khu vực kinh tế của Lào năm 1990 và năm 2010.

b) Nhận xét cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế của Lào trong giai đoạn 1990 - 2010.

**Câu 3 : *Cho bảng số liệu sau:***

 **Dân số Đông Nam Á giai đoạn 1990-2011**

 *(Đơn vị : Triệu người)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1990** | **2000** | **2005** | **2008** | **2010** | **2011** |
| Dân số | 444,3 | 522,8 | 559,1 | 579,4 | 592,5 | 599,1 |

a/Vẽ biểu đồ cột thể hiện dân số Đông Nam Á giai đoạn 1990-2011

b/Từ biểu đồ đã vẽ, rút ra nhận xét cần thiết.

 *Hết./.*